

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày: 09/01/2026
V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoa;

2. Ông Nguyễn Văn Ân;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp:* Ông Võ Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 632/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Nguyệt H** (tên thường gọi: Thanh) – sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp);

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Kim P** – sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp);

(Bà H, bà P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H trình bày:

Qua quen biết bà H có cho bà Lê Thị Kim P vay số tiền lần lượt như sau:

+ Ngày 20/5/2019, bà P vay số tiền là 85.000.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất và có lập giấy cho mượn tiền ngày 20/5/2019, bà P có ký

tên để làm cơ sở giải quyết nếu có tranh chấp.

+ Ngày 06/6/2019, bà H tiếp tục cho bà P vay số tiền là 6.000.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất và có viết thêm vào giấy mượn tiền ngày 20/5/2019, bà P có ký tên để làm cơ sở giải quyết nếu có tranh chấp.

Từ khi vay tiền cho đến nay, bà P chưa trả cho bà H khoản tiền lãi hay tiền gốc nào. Khi vay, giữa bà H và bà P thỏa thuận bằng miệng rằng khi nào bà H cần tiền, bà H có quyền yêu cầu bà P trả số tiền 91.000.000 đồng bất cứ lúc nào, tuy nhiên bà H đã nhiều lần yêu cầu bà P trả tiền nhưng đến nay bà P vẫn cố tình né tránh. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Kim P trả cho bà H số tiền 91.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực.

** Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:*

Trước đây (thời gian cụ thể bà không nhớ rõ), bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị Nguyệt H (tên thường gọi là T) số tiền là 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 7.000 đồng (bảy nghìn đồng)/ngày/1.000.000 đồng. Cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần với số tiền là 2.100.000 đồng trên số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng. Quá trình vay tiền do bà không có tiền đóng lãi nên hàng tháng bà có mượn thêm tiền của bà H (T) để đóng qua tiền lãi, số tiền mượn thêm để đóng lãi bà không nhớ rõ là bao nhiêu. Sau đó bà có hốt hụi và trả cho bà H (T) số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, bà chỉ còn nợ lại bà H số tiền 10.000.000 đồng, nên hàng tháng bà vẫn mượn bà H số tiền 2.100.000 đồng để đóng lãi cho số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng còn lại.

Nay đối với số tiền 91.000.000 đồng bà H khởi kiện, bà P không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng.

Đối với tờ biên nhận ngày 20/5/2019 với số tiền 91.000.000 đồng do bà H cung cấp, bà P xác định không có viết và ký tên trong đó. Bà đề nghị Tòa án giám định chữ ký, chữ viết trong tờ biên nhận, nếu chữ ký chữ viết của bà thì bà chấp nhận trả số tiền theo yêu cầu của bà H và chịu toàn bộ chi phí giám định.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ chi phí giám định là 4.100.000 đồng.

- Bị đơn bà Lê Thị Kim P không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không thừa nhận chữ ký, chữ viết của bà trong tờ biên nhận ngày 20/5/2019.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim P trả lại số tiền nợ vay, nên xác định đây là tranh chấp về “hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Để chứng minh cho việc việc của mình, bà H đã cung cấp Tờ biên nhận đề ngày “20 – tháng 5 - 2019” viết trên giấy tập học sinh có chữ viết và chữ ký tên của bị đơn Lê Thị Kim P; quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà P không thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trong tờ giấy biên nhận là chữ ký và chữ viết của bà. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H đã đề nghị Tòa án Trung cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp thực hiện giám định chữ ký, chữ viết của bà Lê Thị Kim P trong Tờ biên nhận trên. Theo Kết luận giám định số 1897/KL-KTHS(Đ2) ngày 15/10/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp đã kết luận: 1. Chữ ký dạng chữ viết tên “p” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký dạng chữ viết tên “p” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 là do cùng một người ký ra. 2. Chữ viết họ tên “Lê Thị Kim P” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết họ tên “Lê Thị Kim P” (dưới chữ ký) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra. Đối với bà P, bà phản đối yêu cầu của bà H; cho rằng bà không ký tên và ghi họ tên vào “Tờ biên nhận”. Tuy nhiên, bà P không cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối là có căn cứ, nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chứng cứ của bà H cung cấp là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên xác định bà P có vay của bà H số tiền 91.000.000 đồng.

Bà P cho rằng có trả tiền cho bà H, nhưng bà H không thừa nhận, bà P không có gì để chứng minh. Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền 91.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: bà H không yêu cầu tính lãi, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Nguyên đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ một lần khi án có hiệu lực, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp pháp luật nên chấp nhận, phương thức và thời gian thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Kim P chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 4.100.000

đồng. Xét thấy kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà H là có căn cứ, do đó bà P chịu toàn bộ chi phí giám định là phù hợp với Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà H đã nộp chi phí giám định nên bà P có trách nhiệm trả lại bà H số tiền 4.100.000đ, thực hiện khi án có hiệu lực.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí, nên xét cho bị đơn được miễn tiền án phí theo quy định.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 161 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nguyệt H.

1. Buộc bà Lê Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H số tiền nợ vay gốc 91.000.000 đồng (chín mươi một triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Kim P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H chi phí giám định là 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm ngàn đồng).

Thực hiện khi bản án có hiệu lực.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Kim P được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Nguyệt H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại bà H 2.275.000 đồng (*hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0010849 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm